TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Mai Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương- Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP ., xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Minh N**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng- Có mặt*;*

2. ***Bị đơn:*** Ông **Đặng X**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Minh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Sau Khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại phường A, quận S, thành Phố Đà Nẵng. Năm 2010 cha mẹ chồng cho chúng tôi nhà đất ở địa chỉ tổ E phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng và chúng tôi dọn về địa chỉ trên sinh sống từ đó cho đến nay.

Sau khi cưới tôi về được một thời gian thì ông X bắt đầu thể hiện tính gia trưởng của mình. Ông X ỷ tôi là người ở xa quê (quê tôi ở Quảng Bình) cộng thêm việc tôi không biết chữ nên ông X đối xử với tôi như người làm của ông ta. Mỗi khi không vừa ý chuyện gì ông X bắt đầu chửi bới đánh đập tôi thậm tệ, lúc đó vì thương con còn nhỏ và cũng vì không biết chữ nên rất khó khăn để lo cho cuộc sống của tôi và con nếu như tôi bỏ nhà đi.

Hơn hai mươi năm tôi cưới ông X là những chuỗi ngày tội bị hành hạ về thể xác lẫn tinh thần. Lúc mới cưới tôi ông X chỉ đánh tôi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng càng về sau hành vi bạo hành của ông X ngày càng quá đáng, buồn là ông ta gây sự đánh tôi, vui ông ta cũng kiếm chuyện đánh tôi. Ông X không những dùng tay, chân để đánh tôi mà còn dùng những vật dụng nguy hiểm như dao, cây inox và đủ loại vật dụng mà ông ta cảm thấy sẽ khiến tôi đau đớn để đánh đập hành hạ tôi. Ông X đã từng đánh tôi đến mức tôi bị gãy tay nhập viện (Công an có đến lập biên bản và tôi vẫn còn hồ sơ bệnh án) không những vậy khi ông X thấy việc đánh tôi chưa thỏa mãn thì ông ta lại quay sang đánh đập các con tôi. Những sự việc trên đều có sự chứng kiến của hằng xóm xung quanh nhà và cả công an địa phương cũng nhiều lần xuống nhà tôi để can ngăn những sự việc trên.

Đến nay tôi thực sự đã không còn một chút tình cảm và không còn có thể chịu đựng thêm những lần bạo hành vô cớ của ông X, mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đặng Xang .

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 01/12/2000, Đặng Thị Thanh H1, sinh ngày 11/11/2014 và Đặng Văn Quốc H2, sinh ngày 24/8/2009 cháu từ khi sinh ra đã bị bại não không đi lại và tự chăm sóc bản thân mình được. Vì tính tình bạo lực của ông X nên không thể trực tiếp nuôi con và con cái cũng rất sợ ba nên nay ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Văn Q H2 và cháu Đặng Thị Thanh H1 cho mẹ là bà Trương Thị Minh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu ông X cấp dưỡng.

Riêng cháu Đặng Thị Mỹ H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đặng X đã được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải để ông C trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông C vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Đặng X đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Trương Thị Minh N đối với ông Đặng Xang .

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh N được ly hôn với ông Đặng Xang .

Về con chung: Giao hai con Đặng Thị Thanh H1, sinh ngày 11/11/2014 và Đặng Văn Quốc H2, sinh ngày 24/8/2009 cho bà Trương Thị Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Đặng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Đặng Thị Mỹ H đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị Minh N nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Đặng X vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Trương Thị Minh N và ông Đặng X kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo khai nại của bà N, ông X thường hành hạ bà về thể xác lẫn tinh thần, ông X thường đánh bà khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, càng về sau hành vi bạo hành của ông X thường dùng tay, chân để đánh bà và còn dùng những vật dụng nguy hiểm như dao, cây inox và đủ loại vật dụng để đánh đập hành hạ bà.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông X tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau thường phát sinh mâu thuẫn, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn tình cảm và trách nhiệm gì với nhau. Do đó, bà N cương quyết xin ly hôn ông X.

Việc bà N cương quyết xin ly hôn còn ông X vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án cũng không có ý kiến của ông X để hòa giải, động viên vợ chồng về sống đoàn tụ gia đình, nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà N trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông X được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy bà Trương Thị Minh N và ông Đặng X có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi đăng ký kết hôn thì ông bà về sống tại tổ E phường H, quận N, TP ..

Quá trình bà N và ông X sống tại địa phương thì không thấy bà N ông X mâu thuẫn. Tuy nhiên, qua bà N và một số người dân tại tổ dân phố cung cấp thong tin thì ông X đi nhậu say về có hành vi xô xát đánh đập vợ con; tại thời điểm xảy ra việc xô xát, đánh đập thì bà N không trình báo tổ dân phố và Công an nên tổ dân phố không biết, sau này khi bà N nộp đơn ly hôn đến Tòa án thì bà N mới cung cấp thong tin về việc ông X có hành vi đánh đập vợ con.

Về quan hệ con chung thì bà N và ông X có 03 con chung, hiện nay các con chung đang sống cùng bà N và ông X tại tổ E, phường H, quận N, TP ..

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trương Thị Minh N và ông Đặng X thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Trương Thị Minh N được ly hôn ông Đặng X để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng bà N và ông X có 03 con chung là Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 01/12/2000, Đặng Thị Thanh H1, sinh ngày 11/11/2014 và Đặng Văn Quốc H2, sinh ngày 24/8/2009. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Đặng Văn Quốc H2 và Đặng Thị Thanh H1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Đặng Thị Mỹ H đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu Quốc H2 hiện và cháu Thanh H1 còn nhỏ và đang ở với mẹ từ trước đến nay nên cuộc sống của các cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con; hơn nữa cháu Quốc H2 bị khuyết tật, cháu Thanh H1 có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học; điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N được nuôi dưỡng các con để thuận tiện cho việc chăm sóc, giáo dục con. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Đặng Văn Q H2 và Đặng Thị Thanh H1 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà N không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Trương Thị Minh N phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Minh N với ông Đặng Xang .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh N được ly hôn với ông Đặng Xang .

2. Về con chung: Giao hai con Đặng Thị Thanh H1, sinh ngày 11/11/2014 và Đặng Văn Quốc H2, sinh ngày 24/8/2009 cho bà Trương Thị Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Đặng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Đặng Thị Mỹ H đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Trương Thị Minh N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001698 ngày 11/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm